

Số: 26/2025/QĐST- HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLST- HNGĐ, ngày 09/9/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Lục Thị A, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh T. Căn cước công dân số 002302001442, cấp ngày 28/4/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn: Anh Hoàng Quốc C, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh T. Căn cước công dân số 002094001598, cấp ngày 28/4/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lục Thị A và anh Hoàng Quốc C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị A và anh Hoàng Quốc C nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lục Thị A và anh Hoàng Quốc C có 02 con chung là Hoàng Minh Đ, sinh ngày 16/4/2019 và Hoàng Ngọc K, sinh ngày 04/5/2021. Khi ly hôn, anh Hoàng Quốc C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi 02 con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lục Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lục Thị A và anh Hoàng Quốc C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lục Thị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh T ngày 09/9/2025 theo biên lai số 0000482. Trả lại cho chị Lục Thị A số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh T;

Đã ký

- VKSND khu vực 6 - Tuyên Quang;

- THADS tỉnh T;

- Các đương sự;

Nguyễn Thị Khuyên

- UBND xã Bản Máy, tỉnh T;

- Lưu hồ sơ.

